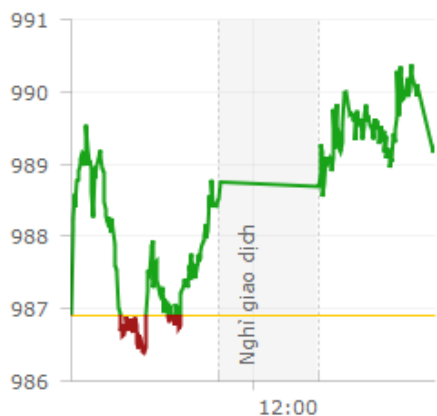
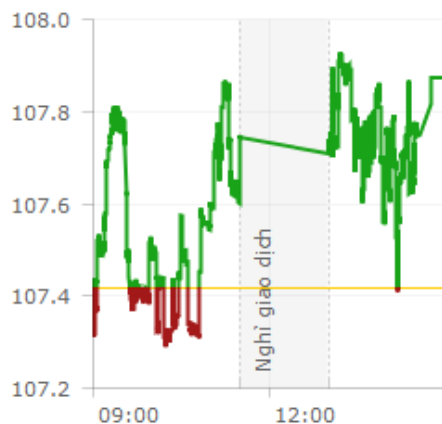


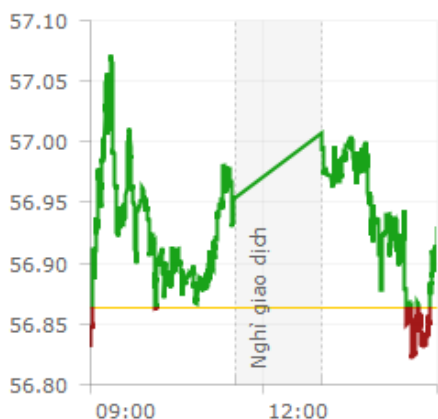
Vn-index: 2.35 điểm (0.24%)



Hnx-index: 0.45 điểm (0.42%)



Upcom-index: 0.07 điểm (0.12%)



Xanh Điểm Trong Xu Hướng Giảm Co Với Thanh Khoản Thấp!

Tổng hợp: Tuần giao dịch (01/04/2019 – 05/04/2019). Xu hướng chính là giảm co, nhưng các chỉ số cũng lấy lại được sắc xanh sau 2 tuần điều chỉnh trước đó. Kết thúc tuần giao dịch, chỉ số Vn-index tăng 8,5 điểm (0,87%) lên 989,26 điểm với tổng khối lượng giao dịch đạt 996,2 triệu CP, trị giá 20.800,8 tỷ đồng; Hn-index tăng 0,43 điểm (0,40%) lên 107,87 điểm với tổng khối lượng giao dịch đạt 156,5 triệu CP, trị giá 2.180,5 tỷ đồng.

Thanh khoản: Thanh khoản tuần qua duy trì ở mức thấp và tương đương với tuần trước đó. Tổng khối lượng giao dịch trong tuần trên 2 sàn đạt 1.152,62 triệu CP, trị giá 22.981,2 tỷ đồng. Trong đó, giao dịch thỏa thuận chiếm 343,5 triệu CP, trị giá 7.598,3 tỷ đồng. Xét về khối lượng và giá trị giao dịch trung bình trên phiên thì đều có tăng nhẹ (2%) trên HSX và giảm (-10%) trên sàn HNX.

Diễn biến: Sau 2 tuần giảm điểm liên tiếp thì trong tuần qua cả 2 chỉ số của TTCK Việt Nam đã lấy lại được sắc xanh. Số phiên tăng điểm nhìn hơn so với số phiên giảm, giúp cho thị trường giao dịch trở nên sôi động hơn. Tâm lý của nhà đầu tư cũng trở nên lạc quan hơn, tuy nhiên nhìn chung đà tăng của thị trường còn yếu, và thanh khoản chưa có sự cải thiện. Điều đó hình thành nên xu hướng giảm co và tích lũy trong biên độ hẹp của thị trường, dài dài trên cả 5 phiên giao dịch.

Giao dịch sôi động nhất là phiên đầu tuần, trước sự tăng điểm ấn tượng của chứng khoán khu vực Châu Á (Kospi tăng 1,29%, Nikkei 225 tăng 1,43%, Hang Seng tăng 1,83%, Shanghai tăng 2,58%) đã tạo động lực giúp chứng trường Việt Nam bứt phá trong ngày giao dịch đầu tiên của tháng 4. Trong đó dòng CP Vốn hóa lớn và dầu khí là tâm điểm kéo thị trường tăng điểm. Các mã vốn hóa lớn như TPB, VNM, VRE, VCG, SSI, KDC, MSN...có mức tăng mạnh từ 2,8% đến 6,4%. Còn các mã đầu ngành dầu khí như GAS, PLX, PVD, PVS, PVB cũng tăng mạnh từ 1,9% đến 5,4%, thậm chí mã PXS tăng trần và dư mua về cuối phiên...

Tăng điểm, nhưng thanh khoản của thị trường là điều đáng lo ngại khi duy trì ở mức thấp và không hỗ trợ được cho xu hướng tăng. Vì vậy, tâm lý của nhà đầu tư không quá hưng phấn, gây nên xu hướng giảm co với những diễn biến tăng giảm trong biên độ khá hẹp. Ở đó dòng CP vốn hóa lớn có sự phân hóa mạnh, phiên tăng/phiên giảm là nguyên nhân của xu hướng trên. Tuy nhiên, trong chiều hướng phân vân đó cũng xuất hiện nhiều dòng CP vốn hóa trung bình có sự bứt phá ấn tượng như nhóm CP dệt may trong phiên giao dịch ngày (03/04/2019) hay dòng thủy sản ở phiên tiếp theo. Cụ thể dệt may có TNG tăng 3,2%, GMC tăng 3,3%, TCM tăng 3,6%, MSH tăng 3,7%, STK tăng trần về cuối phiên...Thủy sản có ACL tăng 6,6%, TS4 tăng 5%, ANV tăng 4,8%, FMC tăng 4,3%, AAM tăng 3,7%...

Trong dòng chảy của xu hướng giảm co, thì phiên giao dịch cuối tuần cũng không ngoại lệ. Biên độ tăng điểm nhẹ với thanh khoản ở mức thấp cho thấy sự lưỡng lự của nhà đầu tư. Dường như thị trường đang cần thời gian để tích

Phân tích kỹ thuật Vn-index

Xu thế ngắn hạn: **Tăng**
Xu thế trung hạn: **Tích lũy**
Xu thế dài hạn: **Tăng**

Phân tích kỹ thuật Hnx-index

Xu thế ngắn hạn: **Tăng**
Xu thế trung hạn: **Tích lũy**
Xu thế dài hạn: **Tăng**

Vn-index: Biểu đồ 6 Tháng



Hnx-index: Biểu đồ 6 Tháng



lũy, nghỉ dưỡng trước khi phát động một xu hướng mới. Điểm tích cực trong phiên cuối tuần có sự trợ giúp các mã lớn như VCG, VCS, NVL, VHM, VCB, MSN... VCG bật tăng mạnh 8,7% lên 27.500 đồng/cp và khớp lệnh 1,6 triệu cổ phiếu. Bên cạnh đó, nhóm cổ phiếu dầu khí bao gồm GAS, PVS, PVD, PLX... cũng bất ngờ bật tăng mạnh trở lại. GAS tăng 2,5% lên 103.800 đồng/cp. PLX tăng 1% lên 61.400 đồng/cp. PVD tăng 1,6% lên 19.500 đồng/cp. Dù vậy, đà tăng của thị trường chung là khá yếu do vẫn chịu áp lực bán mạnh đến từ các cổ phiếu như VNM, SHB, BID, BVH, VJC...

Khôi ngoại: Mặc dù có số phiên bán ròng lớn hơn trong tuần, nhưng kết tuần khôi ngoại vẫn có tuần mua ròng thứ 3 liên tiếp. Cụ thể, trong tuần qua trên sàn HSX khối ngoại giao dịch tổng trị giá 4.918,8 tỷ với giá trị mua ròng đạt 185,53 tỷ đồng. Trên sàn HNX, họ giao dịch tổng trị giá 182,85 tỷ với giá trị mua ròng đạt 27,3 tỷ đồng. Tóm lại tuần qua, khối ngoại mua ròng với giá trị đạt 212,82 tỷ đồng trên 2 sàn.

Nhóm ngành:

Khép lại tuần giao dịch vừa qua, thì sắc xanh dường như chiếm lĩnh nhìn so với sắc đỏ trên nhóm ngành. Cụ thể 11/18 nhóm xanh điểm, tăng điểm mạnh nhất là nhóm truyền thông tăng 8,25%, theo sau đó là nhóm CNTT, ô tô, dầu khí và khí đốt có mức tăng lần lượt là 5% và 4,12%, 3,17% và 2,05%, còn lại các nhóm ngành khác tăng không đáng kể. Ở chiều giảm điểm, nhóm du lịch giảm (-2,72%), nhóm DVTC giảm (-1,03%)...

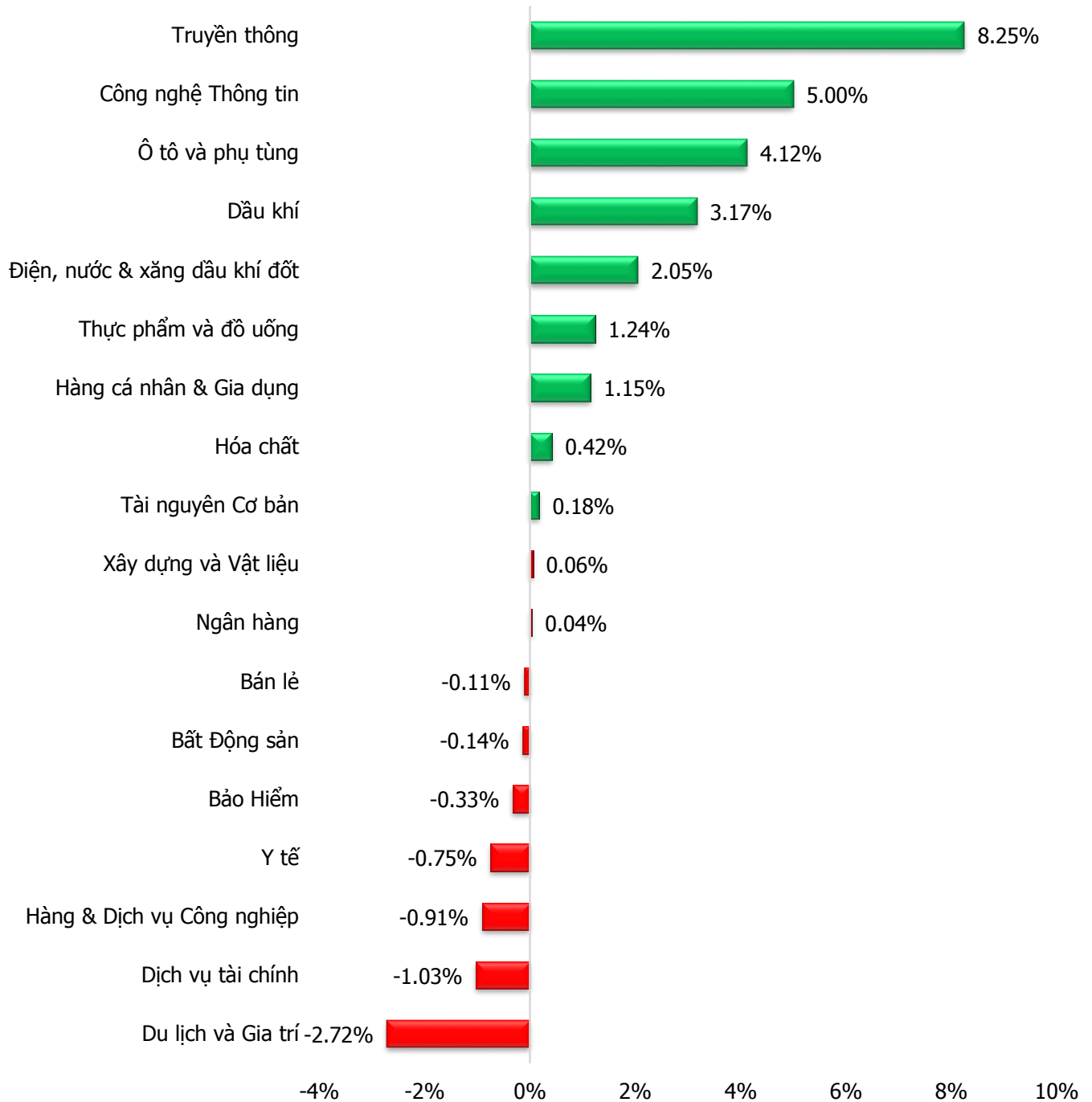
Nhóm CP đột biến: Không xét giao dịch thỏa thuận, tuần qua có những mã giao dịch đột biến, tính bình quân trên phiên thì sàn HSX có FLC 5,6 triệu CP, AAA 3,1 triệu CP, ASM giao dịch 2,1 triệu CP, TTF giao dịch 1,7 triệu CP và LCG 1,5 triệu CP. Trong đó có 4 mã tăng giá là AAA, ASM, TTF, LCG và chỉ một mình FLC giảm điểm.

Diễn biến CP CSI: Tuần giao dịch thứ 3 của mã CSI tính từ lúc lên sàn. Trong tuần qua CSI có 3 phiên giảm, 1 phiên đứng giá tham chiếu và một phiên tăng mạnh trong ngày giao dịch cuối tuần hôm nay. Chốt tuần CSI giảm 5.000 đồng (-17,2%) xuống 24.000 đồng/CP với tổng khối lượng khớp lệnh đạt 3.900 CP.

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ: Đồng thuận giữ được sắc xanh phiên thứ 2 liên tiếp trên cả 2 chỉ số, khép lại một tuần giao dịch khá giằng co của thị trường chứng khoán Việt Nam. Điểm tích cực là số phiên tăng điểm chiếm ưu thế, qua đó giúp thị trường lấy lại được sắc xanh sau tuần điều chỉnh trước đó. Tuy xanh điểm, nhưng biên độ tăng điểm không cao và thanh khoản vẫn duy trì mức trung bình cho thấy xung lực tăng điểm không thực sự mạnh mẽ. Ở chiều hướng phân tích kỹ thuật, các chỉ số đang hình thành xu hướng giằng co trên cả biểu đồ ngày lẫn biểu đồ tuần với sự giao động xung quanh các đường trung bình MA7, MA18. Chưa hoàn toàn phát đi một xu hướng rõ ràng cả bên bán lẫn bên mua trong thời điểm hiện tại. Vì vậy giữ tài khoản ở trạng thái trung tính, nắm giữ tỷ trọng CP vừa phải để kiểm soát độ rủi ro là điều chúng ta nên lưu tâm. Đồng thời chúng tôi cũng khuyến nghị mở vị thế mua ở một số mã CP đã có đà phá bút phá mạnh trong những phiên giằng co gần đây. Danh sách các CP mở vị thế mua nằm trong bản tin hàng ngày của chúng tôi.

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU THEO NHÓM NGÀNH THEO TUẦN

Biến động giá theo ngành



NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN THEO NGÀY

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
FCN	16,050	1,050	7.00%	2,041,390
LGC	28,400	1,850	6.97%	10
TNI	10,750	700	6.97%	1,115,250
DTT	10,750	700	6.97%	10
VAF	10,900	700	6.86%	80

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
KSK	400	100	33.33%	288,500
DPS	700	100	16.67%	169,530
HKB	800	100	14.29%	38,230
DCS	900	100	12.50%	245,800
INC	8,800	800	10.00%	200

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
OGC	4,950	-370	-6.95%	2,759,120
RIC	6,220	-460	-6.89%	260
AGF	5,020	-370	-6.86%	1,340
HVX	3,570	-260	-6.79%	210
TNT	21,000	-140	-6.25%	121,810

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
NHP	800	-100	-11.11%	66,509
BXH	12,600	-1,400	-10.00%	1,000
DIH	34,500	-3,800	-9.92%	100
VXB	10,900	-1,200	-9.92%	200
BBS	8,200	-900	-9.89%	100

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
FLC	5,120	-10	-0.19%	7,135,220
AAA	17,700	350	2.02%	4,406,330
ASM	7,730	-60	-0.77%	2,827,730
TTF	3,990	90	2.31%	2,821,150
FCN	16,050	1,050	7.00%	2,041,390

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PVS	22,400	400	1.82%	4,346,206
ART	2,900	200	7.41%	3,045,983
MST	4,600	0	0.00%	1,991,025
ACM	600	0	0.00%	994,100
BCC	9,000	600	7.14%	894,796

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

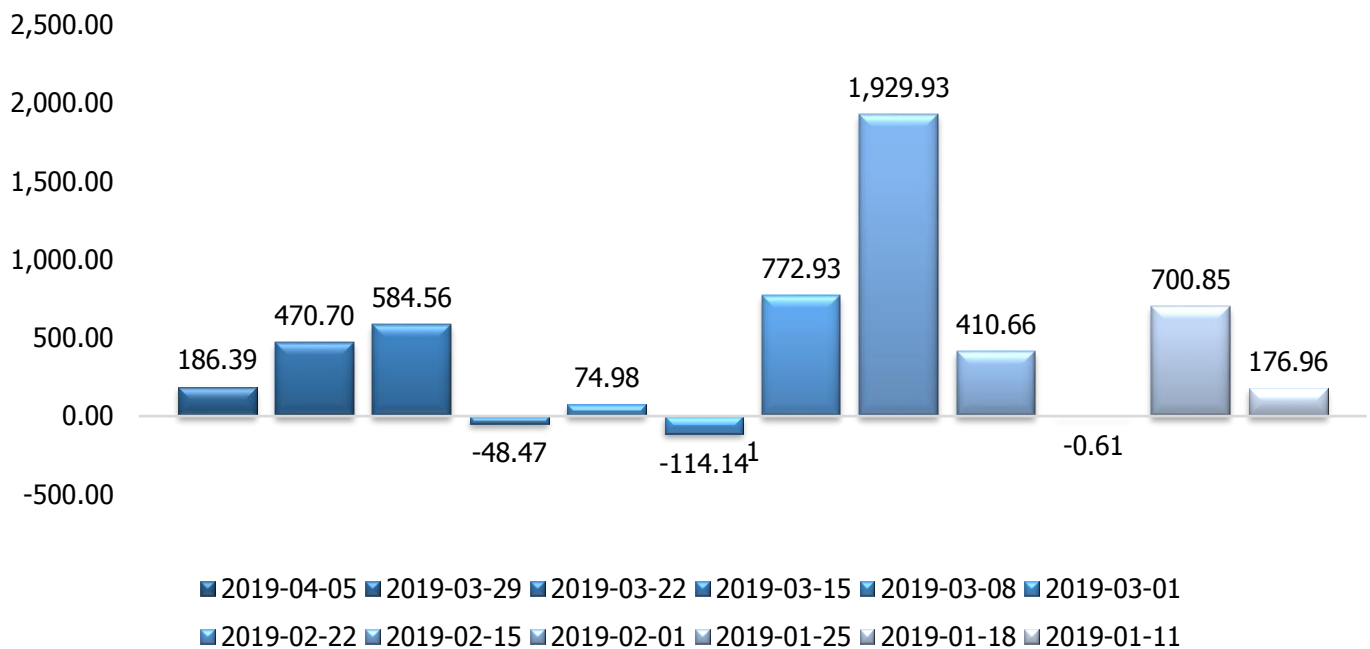
Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
FLC	5,120	-10	-0.19%	7,135,220
ROS	31,650	150	0.48%	6,220,820
ITA	3,230	10	0.31%	5,139,510
AAA	17,700	350	2.02%	4,406,330
PVD	19,500	300	1.56%	2,937,510

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

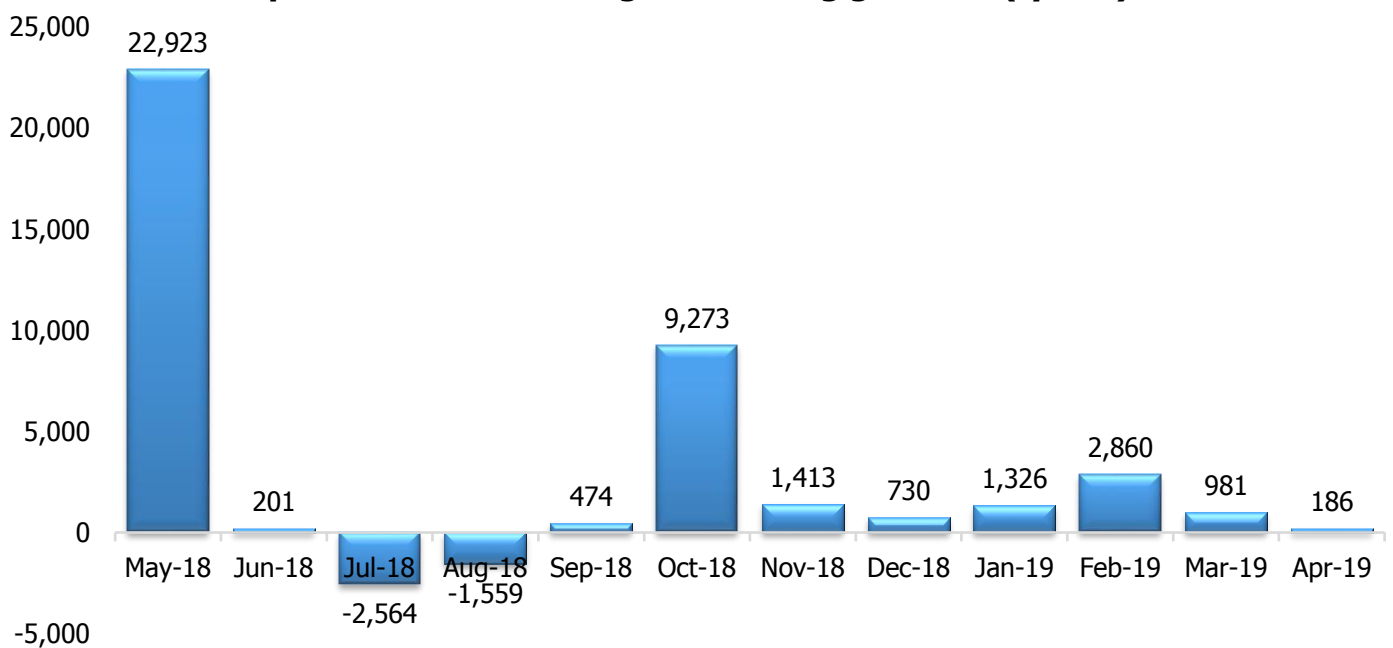
Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PVS	22,400	400	1.82%	4,346,206
ART	2,900	200	7.41%	3,045,983
MST	4,600	0	0.00%	1,991,025
VCG	27,500	2,200	8.70%	1,595,070
VGC	20,200	0	0.00%	1,100,147

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tuần gần nhất (tỷ vnd)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ vnd)



DANH MỤC MỘT SỐ QUỸ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI LỚN TẠI VIỆT NAM THEO NGÀY

Vina Capital (VOF)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị số sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnđ	vnđ	vnđ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnđ	%
1	HPG	13.40%	68,815	19,067	4,037	16.4%	26.8%	8.03	1.70	5,340,555	32,500	-23.12%
2	VNM	10.90%	240,314	14,805	5,873	28.5%	38.9%	23.50	9.32	1,080,878	136,300	-14.71%
3	ACV	9.00%	181,331	14,002	2,849	11.1%	20.3%	29.23	5.95	112,453	82,000	-14.35%
4	KDH	6.30%	13,228	16,579	2,015	5.5%	8.5%	15.85	1.93	391,159	32,600	-12.94%
5	PNJ	6.10%	16,867	22,425	5,905	18.8%	28.3%	17.10	4.50	365,574	100,500	-23.22%
6	VJC	4.70%	61,310	25,706	9,632	15.1%	45.4%	11.75	4.40	857,747	112,800	-37.34%
7	QNS	3.20%	12,270	18,295	4,229	14.7%	23.7%	9.92	2.29	357,303	42,200	-9.06%
8	EIB	3.10%	21,454	12,106	537	0.9%	8.6%	32.48	1.44	4,007,397	17,500	18.71%
9	CTD	3.00%	10,762	104,910	19,969	11.2%	22.5%	7.06	1.34	157,061	140,700	-1.00%
10	PVS	2.60%	10,515	24,839	2,191	3.1%	6.0%	10.04	0.89	4,070,179	22,400	22.71%
Tổng		62.80%										

Dragon Capital (VEIL)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị số sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnđ	vnđ	vnđ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnđ	%
1	ACB	7.20%	37,664	16,853	4,119	1.2%	21.5%	7.33	1.79	3,109,084	30,200	-29.27%
2	MWG	7.20%	36,985	20,266	6,691	12.2%	41.3%	12.48	4.12	658,146	84,100	7.64%
3	MBB	7.07%	47,868	15,446	2,892	1.4%	14.9%	7.83	1.47	5,800,882	22,150	-26.16%
4	VNM	6.27%	240,314	14,805	5,873	28.5%	38.9%	23.50	9.32	1,080,878	136,300	-14.71%
5	KDH	5.13%	13,228	16,579	2,015	5.5%	8.5%	15.85	1.93	391,159	32,600	-12.94%
6	HPG	4.04%	68,815	19,067	4,037	16.4%	26.8%	8.03	1.70	5,340,555	32,500	-23.12%
7	FPT	4.00%	29,328	20,329	4,275	11.7%	23.0%	11.18	2.35	749,734	47,800	-6.47%
8	GAS	3.94%	193,883	23,550	5,985	17.5%	25.7%	16.93	4.30	564,972	103,800	-17.08%
9	ACV	3.59%	181,331	14,002	2,849	11.1%	20.3%	29.23	5.95	112,453	82,000	-14.35%
10	VJC	3.37%	61,310	25,706	9,632	15.1%	45.4%	11.75	4.40	857,747	112,800	-37.34%
Tổng		51.81%										

Dragon Capital (VEF)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị số sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm m 12T
		%	tỷ vnđ	vnđ	vnđ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnđ	%
1	VPB	14.23%	49,135	14,145	2,978	2.6%	24.1%	6.72	1.41	3,719,830	20,050	-52.48%
2	MWG	13.30%	36,985	20,266	6,691	12.2%	41.3%	12.48	4.12	658,146	84,100	7.64%
3	PNJ	8.57%	16,867	22,425	5,905	18.8%	28.3%	17.10	4.50	365,574	100,500	-23.22%
4	FPT	4.88%	29,328	20,329	4,275	11.7%	23.0%	11.18	2.35	749,734	47,800	-6.47%
5	MBB	4.79%	47,868	15,446	2,892	1.4%	14.9%	7.83	1.47	5,800,882	22,150	-26.16%
6	DHG	4.63%	15,690	23,976	4,995	14.3%	21.0%	24.03	5.01	279,583	119,000	8.63%
7	CTD	4.60%	10,762	104,910	19,969	11.2%	22.5%	7.06	1.34	157,061	140,700	-1.00%
8	CII	4.18%	6,119	20,137	387	-0.1%	-0.2%	63.85	1.23	1,092,983	25,200	-21.46%
9	CTI	3.52%	1,594	19,664	1,967	3.1%	9.6%	12.86	1.29	1,014,294	25,300	-23.86%
10	VCI	3.41%	6,192	22,356	5,068	13.6%	28.3%	7.50	1.70	155,091	37,650	-54.73%
Tổng		62.80%										

VNM ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị số sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGD BQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VIC	9.17%	367,356	16,793	1,183	1.6%	5.8%	97.27	6.85	1,013,276	115,100	9.24%
2	NVL	7.43%	52,769	20,781	3,607	3.7%	13.6%	15.61	2.71	1,339,564	56,900	-26.88%
3	VNM	8.51%	240,314	14,805	5,873	28.5%	38.9%	23.50	9.32	1,080,878	136,300	-14.71%
4	CTG	7.11%	81,915	18,037	1,454	0.7%	11.9%	15.13	1.22	5,105,514	21,900	-38.72%
5	MSN	6.57%	102,125	25,351	4,560	8.9%	26.1%	19.25	3.46	2,342,745	88,300	-20.18%
6	ROS	3.80%	17,879	10,331	328	7.6%	14.0%	95.94	3.05	3,844,990	31,650	-72.00%
7	HPG	4.41%	68,815	19,067	4,037	16.4%	26.8%	8.03	1.70	5,340,555	32,500	-23.12%
8	Mani	4.82%	112	12,420	709	6.5%	8.8%	10.43	0.60	4,233	7,100	-2.88%
9	SSI	4.14%	13,900	17,850	2,613	6.6%	14.4%	10.45	1.53	1,948,619	27,500	-32.83%
10	Eclat	4.57%	23	18,140	1,921	6.8%	9.5%	6.77	0.72	3,205	12,600	13.72%
11	BVH	4.17%	65,883	21,030	1,564	1.3%	8.4%	60.10	4.47	97,577	93,700	-5.72%
12	Synopex	2.89%	872	15,933	1,577	8.2%	9.6%	8.23	0.82	48,219	13,000	48.67%
13	SOCO	4.25%	6,212	12,047	1,238	2.7%	6.3%	13.32	1.37	3,772	15,000	8.01%
14	RMIL	3.01%	11	10,483	1,079	0.0%	0.0%	9.26	0.95	145	10,000	0.00%
15	Hansae	3.46%	1,185	11,559	732	0.0%	0.0%	11.47	0.73	6	8,400	-24.01%
16	VCG	1.81%	11,175	15,246	1,115	6.1%	16.7%	22.69	1.66	2,543,610	27,500	10.25%
17	STB	2.52%	22,185	13,657	993	0.4%	6.3%	12.39	0.90	5,665,388	12,250	-21.15%
18	SBT	1.94%	9,584	10,539	537	3.0%	8.0%	33.99	1.73	2,900,860	18,850	13.06%
19	TCH	2.25%	8,549	12,184	757	7.8%	8.7%	31.96	1.99	955,454	23,250	19.50%
20	MCNEX	1.35%	20	0	-2,371	0.0%	0.0%	-2.36	0.00	0	5,600	5.66%
21	KDC	1.34%	4,555	29,469	190	-0.2%	-0.2%	116.87	0.75	104,933	22,100	-39.86%
22	DPM	1.24%	7,357	20,666	1,788	5.9%	7.8%	10.52	0.91	570,922	18,600	-4.38%
23	NT2	1.56%	7,715	12,795	2,717	8.4%	18.5%	9.86	2.09	207,163	27,200	12.33%
24	HSG	0.07%	3,564	13,445	355	3.1%	13.4%	26.12	0.69	4,228,436	9,280	-53.57%
25	DCMI	0.19%	4,823	11,787	1,239	3.9%	7.8%	7.35	0.77	620,299	9,110	-20.11%
26	U.S.Dollar	0.08%	414	14,538	2,059	7.3%	14.5%	6.56	0.93	5,555	13,900	24.29%
27	VCB	6.43%	251,091	18,409	4,029	1.2%	20.3%	16.81	3.68	1,342,184	68,100	-6.71%
28	VRE	5.06%	82,673	12,224	1,032	5.6%	7.9%	34.38	2.90	3,181,332	35,800	-14.23%
Tổng		110.11%										

FTSE Vietnam Index ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị số sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGD BQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	HPG	15.60%	68,815	19,067	4,037	16.4%	26.8%	8.03	1.70	5,340,555	32,500	-23.12%
2	VIC	15.41%	367,356	16,793	1,183	1.6%	5.8%	97.27	6.85	1,013,276	115,100	9.24%
3	MSN	15.32%	102,125	25,351	4,560	8.9%	26.1%	19.25	3.46	2,342,745	88,300	-20.18%
4	VNM	12.55%	240,314	14,805	5,873	28.5%	38.9%	23.50	9.32	1,080,878	136,300	-14.71%
5	VCB	6.80%	251,091	18,409	4,029	1.2%	20.3%	16.81	3.68	1,342,184	68,100	-6.71%
6	NVL	5.84%	52,769	20,781	3,607	3.7%	13.6%	15.61	2.71	1,339,564	56,900	-26.88%
7	ROS	5.14%	17,879	10,331	328	7.6%	14.0%	95.94	3.05	3,844,990	31,650	-72.00%
8	PVS	5.10%	10,515	24,839	2,191	3.1%	6.0%	10.04	0.89	4,070,179	22,400	22.71%
9	SSI	4.08%	13,900	17,850	2,613	6.6%	14.4%	10.45	1.53	1,948,619	27,500	-32.83%
10	STB	2.88%	22,185	13,657	993	0.4%	6.3%	12.39	0.90	5,665,388	12,250	-21.15%
Tổng		88.72%										

MSCI Frontier Markets Index												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị số sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDQB 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnđ	vnđ	vnđ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnđ	%
1	VNM	5.65%	240,314	14,805	5,873	28.5%	38.9%	23.50	9.32	1,080,878	136,300	-14.71%
2	VIC	2.76%	367,356	16,793	1,183	1.6%	5.8%	97.27	6.85	1,013,276	115,100	9.24%
3	MSN	1.81%	102,125	25,351	4,560	8.9%	26.1%	19.25	3.46	2,342,745	88,300	-20.18%
4	HPG	1.43%	68,815	19,067	4,037	16.4%	26.8%	8.03	1.70	5,340,555	32,500	-23.12%
5	ROS	0.63%	17,879	10,331	328	7.6%	14.0%	95.94	3.05	3,844,990	31,650	-72.00%
6	NVL	0.58%	52,769	20,781	3,607	3.7%	13.6%	15.61	2.71	1,339,564	56,900	-26.88%
7	VRE	0.48%	82,673	12,224	1,032	5.6%	7.9%	34.38	2.90	3,181,332	35,800	-12.14%
8	SSI	0.45%	13,900	17,850	2,613	6.6%	14.4%	10.45	1.53	1,948,619	27,500	-32.83%
9	STB	0.32%	22,185	13,657	993	0.4%	6.3%	12.39	0.90	5,665,388	12,250	-21.15%
10	SAB	0.28%	160,192	23,463	6,514	22.0%	30.1%	38.35	10.65	76,439	248,000	12.21%
11	PVS	0.20%	10,515	24,839	2,191	3.1%	6.0%	10.04	0.89	4,070,179	22,400	22.71%
12	SBT	0.19%	9,584	10,539	537	3.0%	8.0%	33.99	1.73	2,900,860	18,850	13.06%
13	HSG	0.15%	3,564	13,445	355	3.1%	13.4%	26.12	0.69	4,228,436	9,280	-53.57%
14	TCH	0.14%	8,549	12,184	757	7.8%	8.7%	31.96	1.99	955,454	23,250	19.50%
15	DPM	0.13%	7,357	20,666	1,788	5.9%	7.8%	10.52	0.91	570,922	18,600	-4.38%
16	KBC	0.10%	6,999	19,232	1,588	2.8%	4.8%	9.38	0.77	2,856,578	15,100	2.76%
Tổng		15.3%										

ĐIỂM TIN NỘI BẬT:

Thứ 2 ngày 01/04/2019

■ GDP của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2019 ước tính tăng trưởng được 6,79%. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,68%, đóng góp 4,9% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,63%, đóng góp 51,2%; khu vực dịch vụ tăng 6,5%, đóng góp 43,9%. Tốc độ tăng trưởng này như vậy cao nhất trong thập kỷ qua, chỉ thấp hơn so với tốc độ 7,45% vào năm 2018. Dù tốc độ tăng trưởng kinh tế của quý vừa qua như vậy thấp hơn so với con số 7,31% của quý trước đó, khoảng thời gian đó đã đưa một năm kinh tế tăng trưởng khá tốt, tốc độ tăng trưởng đạt 7,08% - tốc độ cao nhất tính từ khủng hoảng t chính toàn cầu năm 2008.

■ CPI bình quân 3 tháng đầu năm 2019 ước tăng 2,63% so với cùng kỳ năm 2018, là mức thấp nhất trong 3 năm liên tiếp gần đây (quý I/2017 là 4,96%). Theo đó, lạm phát cơ bản tháng 3 giảm 0,06% so với tháng trước, bình quân quý I tăng 1,84% so với cùng kỳ năm 2018, là mức tăng nhẹ.

■ Tính chung trong quý I/2019, cán cân thương mại hàng hóa của Việt Nam tiếp tục xuất siêu 536 triệu USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 7,04 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 7,5 tỷ USD.

Thứ 3 ngày 02/04/2019

■ Chỉ số Nhà quản trị Mua hàng Purchasing Managers' Index (PMI) toàn phần lĩnh vực sản xuất Việt Nam của Nikke đã tăng từ mức 51,2 điểm của tháng 2 lên 51,9 điểm trong tháng 3. Số lượng đơn đặt hàng mới tăng liên tiếp trong tháng 3 khi số lượng khách hàng tăng và số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới tăng. Sản lượng đã tăng mặc dù số lượng nhân viên giảm nhẹ trong tháng 3.

■ Tổ chức xếp hạng quốc gia và xây dựng chỉ số FTSE Russell vừa ra báo cáo phân loại quốc gia tạm thời tháng hàng năm. Theo kết quả này, Việt Nam vẫn tiếp tục được nằm trong danh sách theo dõi nâng hạng lên thị trường mức nổi bậc hai.

■ Kinh tế Khu vực đồng đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) tiếp tục đón nhận các tin xấu, với tỷ lệ lạm phát cách mục tiêu mà Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đề ra, giữa lúc kết quả khảo sát mới nhất của hãng cung cấp thông tin tài chính IHS Markit cho thấy lĩnh vực chế tạo của khu vực này sụt giảm ở mức nhanh nhất trong sáu năm qua. Theo Cơ quan thống kê châu Âu (Eurostat), giá tiêu dùng tại Eurozone trong tháng 3/2019 chỉ tăng 1,4%, so với mức 1,5% của tháng trước đó và cách xa mức mục tiêu "ngay dưới 2%" mà ECB đề ra.

Thứ 4 ngày 03/04/2019

■ Ngân hàng Nhà nước liên tiếp mua vào lượng ngoại tệ lớn, nâng dự trữ ngoại hối quốc gia lên kỷ lục mới trong quý 1/2019. Sau kỳ nghỉ Tết cho đến nay, tính toán từ một số thành viên lớn tham gia thị trường liên ngân hàng, ước tính Ngân hàng Nhà nước tiếp tục mua ròng thêm khoảng 2,5 tỷ USD nữa và nâng kỷ lục dự trữ ngoại hối quốc gia lên mức mới, nhiều khả năng vượt mốc 65 tỷ USD vào cuối quý 1/2019.

■ Đề án Cơ cấu lại Thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm 2020 - 2025 mới đây đã đưa ra mục tiêu tới năm 2020 quy mô của thị trường chứng khoán đạt 100% GDP và 120% GDP vào năm 2025. Mục tiêu số lượng nhà đầu tư đạt 3% dân số vào 2020 và 5% vào năm 2025. Hiện mới chỉ có 2,2 triệu tài khoản được mở trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó 30.000 là tài khoản của nhà đầu tư nước ngoài. Như vậy, so với dân số Việt Nam hiện nay mới chỉ chiếm chưa đầy 2%. Hiện trên thị trường hiện có 74 công ty chứng khoán, nhưng Top 10 công ty chứng khoán có thị phần lớn nhất đang chiếm 70%. 60 công ty chứng khoán đang cạnh tranh giành giật khoảng 30% thị phần còn lại.

■ WTO dự báo kim ngạch thương mại toàn cầu sẽ tăng 2,6% trong năm nay, thấp hơn so với mức tăng 3% trong năm 2018 và dưới mức dự báo 3,7% được đưa ra trước đó. Trong quý IV năm ngoái, kim ngạch thương mại thế giới giảm 0,3%.

Thứ 5 ngày 05/04/2019

■ Theo thống kê mới nhất từ Bộ Tài chính, đến hết năm 2018, thị trường bảo hiểm hiện có 64 doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm (trong đó có 30 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, 18 doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, 2 doanh nghiệp tái bảo hiểm và 14 doanh nghiệp môi giới bảo hiểm) và 1 chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Thị trường bảo hiểm 3 tháng đầu năm 2019 duy trì tăng trưởng tích cực. Doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường quý I/2019 ước tính tăng 17% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ tăng 23% doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ tăng 9%.

■ Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) tin rằng tăng trưởng GDP của Việt Nam vẫn ở mức cao 6,8% trong năm 2019 và giảm nhẹ xuống 6,7% trong năm 2020. Mặc dù tăng trưởng của Việt Nam theo dự báo của ADB có xu hướng giảm tốc dần nhưng Việt Nam vẫn là quốc gia duy trì được mức tăng trưởng cao nhất trong khu vực, hơn cả Trung Quốc (2019: 6,3%; 2020: 6,1%), Indonesia (2019: 5,2%, 2020: 5,3%); hay Philippines (2019: 6,4%; 2020: 6,4%).

■ Số liệu vừa được Bộ Tài chính công bố cho biết, tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) quý I/2019 đạt 381 nghìn tỷ đồng, bằng 27% dự toán. Tổng chi NSNN tháng 3/2019 ước đạt hơn 120 nghìn tỷ đồng; lũy kế chi quý I/2019 đạt hơn 315 nghìn tỷ đồng, bằng 19,3% dự toán. NSNN thặng dư khoảng 66 nghìn tỷ đồng trong quý I/2019.

Thứ 6 ngày 05/04/2019

■ Tốc độ tăng trưởng xử lý nợ tuy đã được cải thiện nhưng theo như mục tiêu phấn đấu của toàn ngành ngân hàng đến cuối năm đưa tỷ lệ nợ xấu nội bảng xuống dưới 2%, tỷ lệ nợ xấu và các khoản tiềm ẩn trở thành nợ xấu dưới 5% thì cần phải có những bước triển khai mạnh mẽ hơn nữa để có thể đạt mục tiêu đề ra. Theo số liệu mới nhất, tính đến ngày 31/1/2019 tỷ lệ nợ xấu nội bảng toàn hệ thống là 1,96%, giảm so với mức 1,99% cuối năm 2017. Còn nợ ngoài bảng bao gồm nợ bán cho VAMC chưa xử lý và nợ tiềm ẩn trở thành nợ xấu ở mức 5,85%, giảm mạnh so với mức 10,08% cuối năm 2016 và mức 7,36% cuối năm 2017.

■ Kho bạc Nhà nước phát hành với tổng khối lượng gọi thầu 4.000 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ, song chỉ huy động được 1.550 tỷ đồng tại duy nhất kỳ hạn 15 năm. Theo thống kê từ HNX, từ đầu năm đến nay, Kho bạc Nhà nước đã huy động 64.818,5 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ thông qua hình thức đấu thầu.

■ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) vừa có báo cáo về thị trường cổ phiếu niêm yết tháng 3/2019, cho thấy điểm số tăng và thanh khoản đã được cải thiện nhiều so với tháng trước. HNX-Index đạt 107,44 điểm tại thời điểm đóng cửa phiên giao dịch cuối tháng, tăng 1,5% so với thời điểm cuối tháng trước. Giá trị vốn hóa thị trường đạt hơn 200.000 tỷ đồng, tăng 1,5% so với thời điểm cuối tháng 2. Tính bình quân, khối lượng giao dịch hơn 49,9 triệu cổ phiếu/phiên (tăng 28% so với tháng trước), tương ứng giá trị giao dịch đạt gần 625 tỷ đồng/phiên (tăng gần 21% so với tháng trước).

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO NGÀY

	Cổ phiếu	Giá Mua cao nhất	Giá Bán cao nhất	Cắt lỗ	Giá đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
Danh Mục Khuyến Nghị Mua	CMG	31.3	34.7	28.5	32.0	31.0					Chờ khớp
	CTS	9.7	10.8	8.8	9.9	9.6					Chờ khớp
	DXG	23.1	25.6	21.1	23.3	22.9					Chờ khớp
	FCN	15.8	17.5	14.4	16.0	15.6					Chờ khớp
	KDH	32.5	36.1	29.6	32.6	32.2					Chờ khớp
	KSB	27.9	30.9	25.4	28.0	27.6					Chờ khớp
	MSH	54.0	59.9	49.2	54.5	53.5					Chờ khớp
	NLG	28.5	31.6	25.9	28.7	28.2					Chờ khớp
	PTB	64.0	71.0	58.3	64.2	63.4					Chờ khớp
L14	42.4	47.0	38.6	42.5	42.0					Chờ khớp	
Danh Mục Đang Năm Giữ	ACL	38.2	42.3	34.8	38.2	37.8		04/05/2019		1.1%	Nắm giữ
	C32	30.7	34.0	28.0	30.3	30.4		04/05/2019		-0.3%	Nắm giữ
	NDN	13.6	15.1	12.4	13.6	13.5		04/05/2019		0.7%	Nắm giữ
	VPH	6.6	7.3	6.0	6.6	6.5		04/04/2019		1.5%	Nắm giữ
	TV2	132.3	146.7	120.5	135.3	131.0		04/04/2019		3.3%	Nắm giữ
	AAA	17.3	19.2	15.7	17.7	17.1		04/02/2019		3.5%	Nắm giữ
	D2D	103.0	114.2	93.8	115.9	102.0		04/02/2019		13.6%	Nắm giữ
	EVE	16.5	18.3	15.0	16.3	16.3		29/03/2019		0.0%	Nắm giữ
	HAG	5.7	6.3	5.2	5.4	5.6		27/03/2019		-3.2%	Nắm giữ
	VEA	53.1	58.9	48.4	50.8	52.6		27/03/2019		-3.4%	Nắm giữ

	RAL	89.9	99.7	81.9	89.5	89.0		22/03/2019		0.6%	Nằm giữ
	DHC	34.2	38.0	31.2	36.1	33.9		20/03/2019		6.5%	Nằm giữ
	SMB	33.8	37.5	30.8	35.4	33.5		20/03/2019		5.7%	Nằm giữ
	SFG	13.4	14.9	12.2	15.2	13.3		19/03/2019		14.3%	Nằm giữ
	XPH	5.7	6.3	5.2	5.2	5.6		15/03/2019		-7.1%	Nằm giữ
	CTD	139.5	154.7	127.1	140.7	138.1		03/11/2019		1.9%	Nằm giữ
	KHP	10.1	11.2	9.2	10.3	10.0		03/08/2019		3.0%	Nằm giữ
	PVO	4.6	5.2	4.2	4.5	4.6		03/07/2019		-2.2%	Nằm giữ
	MSR	19.7	21.8	17.9	21.3	19.5		03/06/2019		9.2%	Nằm giữ
	CII	24.1	26.8	22.0	25.20	23.90		28/02/2019		5.4%	Nằm giữ
	FCM	7.3	8.1	6.7	7.6	7.3		26/02/2019		4.6%	Nằm giữ
	LTG	23.8	26.4	21.7	25.0	23.6		21/02/2019		5.9%	Nằm giữ
	PVI	33.8	37.5	30.8	39.6	33.5		19/02/2019		18.2%	Nằm giữ
	CAP	39.4	43.7	35.9	43.2	39.0		18/02/2019		10.8%	Nằm giữ
	OPC	46.7	51.7	42.5	50.0	46.2		25/12/2018		8.2%	Nằm giữ
Danh Mục Đã Bán	SHI	6.5	7.2	5.9	8.6	6.4	8.6	12/12/2018	22/02/2019	34.2%	Đã bán
	HCM	45.3	50.3	41.3	28.0	44.9	29.5	23/01/2019	25/02/2019	26.7%	Đã bán
	TTF	3.0	3.4	2.8	3.8	3.0	3.8	26/02/2019	22/03/2019	25.0%	Đã bán
	LCG	8.6	9.5	7.8	10.3	8.5	10.5	18/01/2019	14/03/2019	23.5%	Đã bán
	SLS	49.5	54.9	45.1	56.8	49.0	57.0	03/04/2019	19/03/2019	16.3%	Đã bán
	TDH	10.2	11.3	9.3	11.6	10.1	11.9	25/01/2019	22/03/2019	17.8%	Đã bán
	DHA	30.7	34.0	28.0	34.2	30.4	34.5	23/11/2018	03/08/2019	13.5%	Đã bán
	LGL	8.2	9.1	7.5	9.1	8.1	9.2	14/03/2019	22/03/2019	13.6%	Đã bán
	GMC	42.5	47.2	38.7	47.3	42.1	47.5	14/02/2019	20/03/2019	12.8%	Đã bán
	HVN	34.8	38.6	31.7	38.3	34.5	38.3	03/01/2019	20/02/2019	11.0%	Đã bán
	TMS	24.3	27.0	22.2	26.5	24.1	26.5	27/12/2018	27/02/2019	10.0%	Đã bán
	SHS	10.4	11.5	9.5	11.4	10.3	11.5	15/01/2019	03/01/2019	11.7%	Đã bán
	INN	29.6	32.8	27.0	31.0	29.3	31.5	21/02/2019	14/03/2019	7.5%	Đã bán
	HVN	39.9	44.2	36.3	41.2	39.5	41.5	28/02/2019	22/03/2019	5.1%	Đã bán
	NDN	12.4	13.8	11.3	13.3	12.3	13.2	02/11/2019	22/03/2019	7.3%	Đã bán
	BCC	7.2	8.0	6.5	7.8	7.1	7.9	19/02/2019	22/03/2019	11.3%	Đã bán
	VIB	18.1	20.0	16.5	19.0	17.9	19.0	18/01/2019	22/03/2019	6.1%	Đã bán
	VPB	19.7	21.8	17.9	21.0	19.5	21.0	17/01/2019	22/03/2019	7.7%	Đã bán
	QNS	40.2	44.6	36.6	42.00	39.8	42.5	20/07/2018	03/01/2019	6.8%	Đã bán
	PAN	47.0	52.1	42.8	37.7	46.5	37.7	29/01/2019	25/02/2019	6.6%	Đã bán
TLH	5.2	5.7	4.7	5.31	5.10	5.3	27/02/2019	03/08/2019	4.3%	Đã bán	
PTB	59.8	66.3	54.5	60.0	59.2	62.0	28/01/2019	25/02/2019	4.7%	Đã bán	
VGT	11.6	12.9	10.6	11.9	11.5	12.0	31/01/2019	22/02/2019	4.3%	Đã bán	
LHG	18.8	20.8	17.1	18.9	18.6	19.5	30/01/2019	03/01/2019	4.8%	Đã bán	
ACV	86.4	95.8	78.7	86.5	85.5	87.0	14/02/2019	14/03/2019	1.8%	Đã bán	
	RAL	84.4	93.6	76.9	85.0	83.6	86.5	19/02/2019	20/03/2019	3.5%	Đã bán

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS: vncs.research@vn-cs.com

Người thực hiện: **Lưu Chí Kháng**
Phó phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: khanglc@vn-cs.com

Người thực hiện: **Đỗ Thị Hường**
Trợ lý Phân tích
Email: huongdt@vn-cs.com

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS

Đỗ Bảo Ngọc

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu
Email: ngocdb@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Nguyễn Đức Minh

Chuyên viên Phân tích Cao cấp
Email: minhnd@vn-cs.com

Trần Vũ Phương Liên

Chuyên viên phân tích
Email: lientvp@vn-cs.com

Vũ Thùy Dương

Chuyên viên phân tích
Email: duongvt@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lưu Chí Kháng

P.Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: khanglc@vn-cs.com

Đỗ Thị Hường

Trợ lý Phân tích
Email: huongdt@vn-cs.com

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá.

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến - 20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền năm 2018 thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS.

TRỤ SỞ VNCS

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: + 84 24 3926 0099
Webiste: www.vn-cs.com